

Bản án số: 126/2022/HS-ST
Ngày: 21/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệp Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tàu và ông Nguyễn Tiến Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2022/TLST - HS ngày 19 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986; Giới tính: Nữ. Hộ khẩu thường trú: P2208, HH2E, khu đô thị mới D, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; Ở: P2401, CT1A khu nhà ở B, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T; Có chồng là: Trịnh Văn L (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** (Đều vắng mặt tại phiên tòa)

1. Anh Vương Văn H, sinh năm 1992. Trú tại: xóm T, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Vương Văn R, sinh năm 1986. Trú tại: xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

3. Anh Vương Văn D, sinh năm 1991. Trú tại: xóm H, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

** Người làm chứng và được người bị hại ủy quyền:* Anh Tạ Văn K, sinh năm 1989. Trú tại: xóm L, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu Thủy là Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ và Đầu tư MN (viết tắt là Công ty MN) địa chỉ: tầng 4 Toà nhà chung cư H, số 121-123 đường T, phường N, quận H có đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội ngày 01/8/2019.

Mặc dù biết rõ Công ty MN không được phép hoạt động đưa lao động Việt Nam đi lao động ở nước ngoài nhưng do cần tiền chi tiêu cá nhân và công việc của công ty, khoảng tháng 4/2020 T sử dụng facebook “MN Cpy” đăng tải thông tin có nội dung: Nước Canada đang có các chương trình lao động đối với người nước ngoài, kèm theo thông tin, địa chỉ của Công ty để người nào có nhu cầu đi lao động tại Canada thì liên hệ. Khi có người đến liên hệ thì T tư vấn về nghề nghiệp, mức thu nhập và tiền phí để đi lao động tại Canada. Nếu ai đồng ý thì T yêu cầu họ nộp hồ sơ và tiền phí do T đưa ra để chiếm đoạt. Khoảng tháng 5/2020, qua mạng xã hội facebook anh Tạ Văn K (sinh năm 1989, trú tại: xóm Lạc Thiện, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An) biết Công ty MN có chương trình đưa người lao động đi lao động tại Canada nên anh K đã đến trụ sở của Công ty MN để tìm hiểu thông tin. Khi đến thì gặp T, T đưa cho anh K xem các giấy tờ cá nhân, giấy tờ pháp lý, con dấu của Công ty MN, mục đích để cho anh K tin tưởng.

Sau đó, T tư vấn cho anh K về chương trình đi lao động tại Canada với mức phí 22.000 USD/người, làm nghề nông nghiệp, thu nhập từ 16 đến 18 USD/1 giờ, làm việc khoảng 50 giờ đến 60 giờ/tuần. Ngoài ra, nếu anh K giới thiệu cho T được 01 người có nhu cầu đi lao động tại Canada thì được T trả cho 1.000 USD tiền hoa hồng. Nghe vậy, anh K về quê ở tỉnh Nghệ An tìm người có nhu cầu giới thiệu cho T để hưởng tiền hoa hồng. Qua tìm hiểu, anh K biết anh Vương Văn H, sinh năm 1992, anh Vương Văn R, sinh năm 1986 và anh Vương Văn D, sinh năm 1991 đều là người cùng quê ở xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An có

nhu cầu đi lao động ở nước ngoài. Anh K đã tư vấn cho ba anh này về chương trình đi lao động tại Canada như nội dung T đã tư vấn cho mình, anh H, anh R và anh D đã đồng ý đi lao động tại Canada theo chương trình anh K tư vấn.

Ngày 11/6/2020, anh K dẫn anh H, anh R, anh D và bà Tạ Thị A, sinh năm 1962 (mẹ anh K) đến văn phòng Công ty MN để T trực tiếp tư vấn chương trình đi lao động tại Canada. Nghe xong, anh H, anh R và anh D đồng ý đi lao động tại Canada, theo yêu cầu ba anh phải nộp cho T hồ sơ gồm: Đơn xin cấp hộ chiếu, ảnh 3x4, sơ yếu lý lịch, sổ hộ khẩu, các bằng cấp, giấy khám sức khỏe, chứng minh nhân dân và tiền đặt cọc 23.330.000 đồng/người tương đương với 1.000 USD (ba người là 69.990.000 đồng). Nhận cọc xong, T viết phiếu thu và ký Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài với 03 anh (H, R và D). Ngày 18/6/2020, T gọi điện thông báo cho anh K yêu cầu ba anh (H, R và D) nộp tiếp mỗi người 1.000 USD để hoàn thiện hồ sơ. Sau anh K trao đổi lại nội dung này với anh H, R và D. Cùng ngày, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 (mẹ anh R và anh D và là dì ruột của anh H) chuyển số tiền 70.000.000 đồng cho anh K để nhờ anh K chuyển cho T. Sau đó, K chuyển cho T 70.000.000 đồng vào tài khoản số 99667888 của ngân hàng ACB chủ tài khoản là Nguyễn Thị Thu T và được T viết phiếu thu số tiền trên. Tổng số tiền hai lần T nhận của 3 anh (H, R và D) là 139.990.000 đồng, T đã chi tiêu vào các việc của Công ty (nộp thuế môn bài, trả tiền văn phòng, trả lương, trả lãi ngân hàng, trả tiền mua quần áo...) và đưa cho K 3.000.000 đồng tiền xăng xe đi lại, còn lại chi tiêu cá nhân.

Đầu tháng 9/2020, T tiếp tục yêu cầu anh H, anh R và anh D mỗi người nộp 5.000 USD để hoàn thiện hồ sơ, nhưng ba anh không đồng ý vì chưa nhận được Visa như thỏa thuận. Sau nghi ngờ, qua tìm hiểu thì được biết Công ty MN không có chức năng đưa người đi lao động ở nước ngoài nên ngày 07/9/2020 3 anh (H, R, D) đã đến Công ty MN gặp T để rút hồ sơ và đòi lại tiền. T đã trả lại hồ sơ cho ba anh, còn tiền thì hứa và viết giấy hẹn ngày 20/11/2020 sẽ trả, nhưng đến hẹn vẫn chưa trả lại tiền cho ba anh, thậm trí còn chuyển ảnh ảo cho anh K (ảnh chuyển khoản trả 30.000.000 đồng vào tài khoản số 36062055073371 của chị Nguyễn Thị T mẹ của anh R và D) để những người liên quan tin, không đòi tiền Thủy (thực chất là không có).

Đến ngày 02/8/2021, anh Tạ Văn K (được 3 anh Thân, R và D uỷ quyền) đến Công an quận Hà Đông trình báo và giao nộp các tài liệu gồm:

- 04 phiếu thu có dấu tròn đỏ của Công ty MN đề ngày 11/6/2020 (03 phiếu), ngày 18/6/2020 (01 phiếu);

- 02 giấy hẹn về việc trả tiền có chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Thu T;

- 03 Hợp đồng lao động đi làm việc tại nước ngoài.

Ngày 29/9/2021, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, con dấu trên các tài liệu do anh Tạ Văn K giao nộp. Tại bản kết luận giám định số 8100/KLGD-PC09-Đ3 ngày 16/11/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hà Nội, kết luận:

“1. Hình dấu tròn “CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ MN” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 với hình dấu tròn “CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ MN” trên các mẫu so ánh ký hiệu M1, M2 do cùng một con dấu đóng ra.

2. Chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu T trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7; Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu T trên các mẫu cần giám định ký hiệu A8, A9 với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Thị Thu T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M6 là chữ do cùng một người viết và ký ra”.

Tại Công văn số 1070/QLLĐNN-PCTTr ngày 10/8/2021 của Cục quản lý lao động nước ngoài - Bộ Lao động - Thương binh và xã hội trả lời Cơ quan CSĐT Công an quận Hà Đông có nội dung: Công ty TNHH dịch vụ và đầu tư MN, địa chỉ: Tầng 4, Toà H, 121-123 T, quận H, thành phố Hà Nội không có giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội cấp (bút lục 108).

Tổng số tiền hai lần T nhận của ba anh (H, R và D) là 139.990.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Vương Văn H, anh Vương Văn D, anh Vương Văn R có đơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của 3 anh là 139.990.000 đồng.

Đối với anh Tạ Văn K là người R gian môi giới cho các anh Thân, R và D chương trình đi lao động ở nước ngoài để Nguyễn Thị Thu T chiếm đoạt tiền của họ. Quá trình thực hiện, anh K không biết được Công ty MN không được phép tuyển người đi lao động ở nước ngoài. Bản thân anh K không có bàn bạc

thoả thuận gì với T, đồng thời không hưởng lợi gì từ T (trừ 03 triệu xăng xe đi lại) và phía người lao động. Cơ quan điều tra đã xác định anh Tích không đồng phạm với T về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên không xử lý là có căn cứ.

Tại Cáo trạng số 110/CT-VKS-HĐ ngày 17/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Người được 03 người bị hại ủy quyền là anh Tạ Văn K đề nghị Tòa án buộc bị cáo trả lại 03 người bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 139.990.000 đồng.

Bị cáo đã khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt Nguyễn Thị Thu Thủy từ 45 đến 48 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, đang nuôi con nhỏ nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 139.990.000 đồng cho anh Vương Văn H, anh Vương Văn D, anh Vương Văn R, mỗi người là 46.664.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông,

Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Có đủ căn cứ để xác định: Công ty TNHH dịch vụ và đầu tư MN do Nguyễn Thị Thu T làm Giám đốc không có giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Khoảng tháng 4/2020, do cần tiền chi tiêu cá nhân và công việc của công ty, T nghĩ ra thủ đoạn đăng tin tuyển người đi du học, làm việc tại Canada trên trang facebook cá nhân “MN Cpy” của mình. Khi có người liên hệ thì tư vấn công việc, đưa ra mức phí, kèm theo hồ sơ giấy tờ phải nộp...Sau khi anh Tạ Văn K thấy thông tin đăng tuyển của T, anh K đã đến gặp và đã giới thiệu cho anh Vương Văn R, Vương Văn H và Vương Văn D đều là người có nhu cầu đi lao động ở nước ngoài đến Công ty của T để T tư vấn và ký hợp đồng. Từ ngày 11/6/2020 đến ngày 19/6/2020, T đã nhận tiền cọc và ký hợp đồng đi làm việc tại nước ngoài với 03 anh (Vương Văn R, Vương Văn H và Vương Văn D), chiếm đoạt tổng số tiền 139.990.000 đồng. Số tiền này T đã sử dụng chi tiêu cá nhân, chi phí cho công việc của công ty, mà không có bất kỳ hoạt động nào lo việc đi lao động ở nước ngoài cho những người đặt cọc, ký hợp đồng theo thỏa thuận.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 139.990.000 đồng thông qua hình thức tuyển người đi lao động ở nước ngoài của Nguyễn Thị Thu T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Về tính chất vụ án, hành vi phạm tội: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt: Bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra bị cáo khai báo thành khẩn, thực sự ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về quyết định hình phạt: Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục và cải tạo đối với bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có thu nhập ổn định nên thấy cần miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 139.990.000 đồng cho anh Vương Văn H, anh Vương Văn D, anh Vương Văn R, mỗi người là 46.663.000 đồng.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** phạm tội **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 584; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

1. Xö phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Vương Văn H số tiền là 46.663.000 đồng, bồi thường cho anh Vương Văn D số tiền là 46.663.000 đồng, bồi thường cho anh Vương Văn R số tiền là 46.663.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.999.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Công an quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- UBND phường (xã) nơi bị cáo cư trú;

**tm. Húi @ảng xĐt xö s- thỀm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu HS, VT.

Trần Thị Diệp Linh